

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 453/2024/HC-PT

Ngày: 13/8/2024

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Thắng- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 114/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23 tháng 1 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn C, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: phường T, thành phố H, Hòa Bình; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ E, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình;
Xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Việt T- Phó Chủ tịch; Xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố H:
Ông Lý Bình T1- Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H; Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Xuân N- Viên chức; Có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thế Đ- Chủ tịch UBND; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị B – Công chức địa chính; Có mặt.

- Kho Bạc Nhà nước H3;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoài T2 – Giám đốc; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Chị Trần Thị Phương T3 -Trưởng phòng Thanh tra, Kiểm tra; Có mặt.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1970 (có mặt); Anh Lê Đức N1, sinh năm 1995 (có mặt); Chị Lê Thùy P, sinh năm 2001 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ D, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bà Lê Thị T4, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà E, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- Ông Lê Đình V, địa chỉ: Số nhà E, tổ C phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- Bà Lê Thị T5, sinh năm 1964 địa chỉ: Số nhà F, tổ I, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- Ông Lê Văn V1, địa chỉ: Số nhà I, tổ A phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt,

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T5, địa chỉ: Số nhà F, tổ I, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; bà Lê Thị H1, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Tổ F, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình; Bà H có mặt, bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị H2, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ D phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

- Ông Lê Đình V2, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà A, Tổ D phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 10/01/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/3/2022, và lời trình bày của người khởi kiện ông Lê Văn C, đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Đức A trình bày:

Gia đình ông Lê Văn C sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ 300533 ổn định, không có tranh chấp được hơn 30 năm cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Từ khi bố mẹ ông C mất, các em của ông C còn nhỏ, lớn lên đi học và công tác, ông C là người quản lý, sử dụng các thửa đất của bố mẹ để lại, tôn tạo, chăm sóc, bỏ

thêm tiền đổi lấy đất của các hộ lân cận để làm. Ngoài diện tích 5,39ha trong giấy chứng nhận của ông T6 (bố ông C) để lại thì trong sổ mục kê thể hiện Lê Văn C diện tích 69.365,6 m². Thửa đất số 34, tờ bản đồ 300533, diện tích 11.577,6m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1996 cho ông Lê Xuân T7.

Ngày 14/7/2020 UBND thành phố H có quyết định thu hồi đất số 2791/QĐ-UBND về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy thủy điện mở rộng tại phường T (đợt A), có danh sách chi tiết kèm theo. Theo đó ông C có tên tại sổ thứ tự 02, địa chỉ thửa đất bị thu hồi tại tổ 04, số thửa 34, tờ bản đồ số 300533, diện tích bị thu hồi 11.577,6 m², loại đất bị thu hồi: Rừng sản xuất (RSX); Bồi thường hỗ trợ đất và hoa màu: 853.123.184 đồng.

Tại Công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của U nêu: “Ủy ban nhân dân thành phố giao Trung tâm phát triển quỹ đất gửi số tiền bồi thường 853.123.184 đồng của ông Lê Văn C theo hình thức tiết kiệm có thời hạn tại tổ chức tín dụng”. Điều này hoàn toàn trái với quy định luật Đất đai và các quy định khác về quản lý tài sản ngân sách. Theo quy định của Luật Đất đai, số tiền này phải được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước.

Tại biên bản làm việc ngày 11/5/2021 tại UBND phường T kết luận nội dung khu đất được ông C sử dụng từ trước đến nay, thống nhất việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông C. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông C trước ngày 14/5/2021. Tại biên bản họp gia đình ngày 16/02/2020 có đầy đủ anh em ông C đều xác nhận ngoài diện tích 5,39ha do ông T7 để lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần diện tích riêng là của ông C (tên gọi khác: Lê Văn B1).

Thửa đất số 34 tờ bản đồ 300533 không phải di sản thừa kế, do UBND phường T đã có ý kiến: “Qua đối chiếu hồ sơ đất đai thì diện tích đất lâm nghiệp tại khu dốc Cun của hộ ông T7 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trùng khớp với vị trí thu hồi để thực hiện dự án. Do đó có thể khẳng định số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi 853.123.184 đồng không phải di sản thừa kế.

Ngoài ra, từ ngày 15/7/2020 đến ngày 16/8/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất mới gửi số tiền bồi thường do nhà nước hỗ trợ 853.123.184 đồng là vi phạm pháp luật, được coi là lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chi trả chậm tiền bồi thường. Tại văn bản số 1254/KBNN-TTKT ngày 12/11/2021 của Kho bạc Nhà nước trả lời xác nhận nội dung số tiền bồi thường do nhà nước hỗ trợ 853.123.184 đồng đều có mục đích rút ra và gửi vào là chi trả cho ông C.

Đến nay đã rất nhiều lần gửi đơn thư khiếu nại tố cáo nhưng Chủ tịch UBND thành phố H không chi trả tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, gây thiệt hại lớn đến gia đình ông C.

Ngày 10/01/2022 ông khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình và đề nghị:

- Hủy toàn bộ Văn bản hành chính số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/05/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H.

- Hủy toàn bộ Văn bản hành chính số 299/TTPTQĐ ngày 14/05/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H (về việc thực hiện nội dung công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của UBND thành phố H)

- Buộc UBND thành phố H chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ 853.123.184 đồng và số tiền chi trả chậm từ 15/8/2020 đến nay theo quy định, công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại về vật chất và tổn thất tinh thần số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình ông C.

- Có văn bản kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật Chủ tịch U do ban hành văn bản trái pháp luật.

* Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:

Năm 1996 hộ ông Lê Xuân T7 được UBND thị xã H cấp GCN QSDĐ số 00272, gồm 05 thửa 11, 21, 41, 43, 55, tờ bản đồ số 01 khoảnh 18b, tổng diện tích 5,39ha.

Theo báo cáo của UBND phường T và ý kiến của 8 anh chị em của ông Lê Văn C khẳng định phần diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án 11.577,6m² có nguồn gốc do ông Lê Xuân T7 và bà Nguyễn Thị M (bố mẹ ông C) khai phá và sử dụng từ năm 1972. Sau khi ông T7 và bà M chết đã để lại cho 09 người con. Để phân chia di sản do bố mẹ để lại gia đình ông C đã họp và thống nhất phân chia tại biên bản họp gia đình ngày 23/01/2020 và 16/02/2020

Đối với phần diện tích thu hồi để thực hiện dự án Nhà máy T8 mở rộng là 11.577,6m² tại thửa đất số 34 tờ bản đồ 300533 (theo trích đo thu hồi đất dự án). Qua đối chiếu giữa bản đồ giao đất, giao rừng, GCN QSDĐ cấp cho hộ ông Lê Xuân T7 với bản đồ trích đo của dự án Nhà máy T8 mở rộng (khu vực đổ thải dốc C1) thì diện tích thu hồi để thực hiện dự án không trùng khớp vị trí với các thửa đất trong GCN QSDĐ. Tuy nhiên, phần diện tích đất này đã được UBND phường T và các anh chị em của ông C khẳng định là đất của ông Lê Xuân T7 khai phá và sử dụng ổn định từ những năm 1972.

Trên cơ sở trích đo của chủ dự án và hiện trạng người đang canh tác, sử dụng đất, U đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 2791/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2792/QĐ-

UBND ngày 14/7/2020, theo đó hộ gia đình ông C được bồi thường, hỗ trợ số tiền 853.123.184 đồng.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã tổ chức chi trả tiền cho hộ gia đình Lê Văn C. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức chi trả, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố nhận được đơn đề nghị ngày 17/8/2020 của 8 người em của ông C đề nghị tạm thời chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ với lý do gia đình còn tranh chấp trong việc phân chia số tiền bồi thường, hỗ trợ. Tại các buổi chi trả, ông C cùng 08 người em của ông C đều đồng ý bàn giao mặt bằng nhưng không đồng ý để UBND thành phố chi trả tiền cho ông C khi gia đình chưa thống nhất được việc phân chia số tiền bồi thường.

Do vậy UBND thành phố đã có văn bản số 1519/UBND-TTPTQĐ giao Trung tâm Phát triển quỹ đất xử lý số tiền bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông C bằng việc tạm gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm có thời hạn tại tổ chức tín dụng để có lãi là đảm bảo lợi ích của gia đình ông C vì ông C không thuộc trường hợp phải cưỡng chế bàn giao mặt bằng mà chỉ tranh chấp ở nội bộ anh em trong gia đình, nếu gửi tiền vào Kho Bạc nhà nước thì sẽ không có lãi suất. UBND thành phố H sẽ tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ toàn bộ số tiền cả gốc và lãi cho ông C sau khi gia đình thống nhất được việc phân chia di sản theo quy định của pháp luật; Sau khi ông C có đơn cho rằng việc gửi số tiền này vào tổ chức tín dụng là không đúng nên U đã yêu cầu Trung tâm phát triển quy đất chuyển số tiền này sang K nhà nước. Hiện số tiền bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông C đang được gửi tại Kho bạc nhà nước H3.

UBND thành phố H đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật, do đó các nội dung khởi kiện của ông C là không có cơ sở. Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-UBND phường T trình bày: Quá trình thực hiện dự án bãi đổ thải Nhà máy T8 tại tổ D, phường T, TP H ông C là người đại diện sử dụng đất. Sau khi rà soát hồ sơ xác định phạm vi thu hồi đất, GCN QSDĐ được cấp cho ông Lê Xuân T7 (bố đẻ của ông C) đã chết nhưng chưa có các thủ tục liên quan đến thừa kế di sản.

Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Lê Văn C, thực hiện quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Trong quá trình trả tiền thì 8 người em của ông C có đơn gửi Trung tâm phát triển quỹ

đất đề nghị tạm thời chưa giải ngân cho gia đình ông Lê Văn C cho đến khi gia đình giải quyết được tranh chấp nội bộ gia đình.

Nay gia đình ông C khởi kiện ra Tòa án, quan điểm của UBND phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-*Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H*: Thời gian bắt đầu thực hiện dự án, ông C là người đại diện sử dụng đất. Sau khi rà soát hồ sơ xác định phạm vi thu hồi được cấp cho ông Lê Xuân T7 (bố đẻ của ông T7) nhưng chưa có các thủ tục ủy quyền, thừa kế.

Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: thực hiện quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong quá trình chi trả tiền thì ngày 17/8/2020, 08 các em của ông C có đơn đề nghị tạm thời chưa giải ngân cho gia đình ông C cho đến khi gia đình giải quyết được mâu thuẫn.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H đã đề nghị hộ gia đình ông Lê Văn C khai nhận di sản thừa kế đối với các thành viên trong gia đình tuy nhiên hộ gia đình không thực hiện và liên tục có đơn đề nghị chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. 08 người em của ông C đều nhất trí bàn giao mặt bằng theo biên bản làm việc ngày 12/5/2021 và đề nghị giải ngân theo biên bản họp gia đình ngày 23/01/2020, nếu ông C không đồng ý thì tạm thời giữ lại số tiền bồi thường, hỗ trợ là 853.123.184 đồng đến khi nội bộ gia đình được giải quyết.

Sau nhiều lần đăng ký rút tiền từ Kho bạc nhà nước để chi trả nhưng các hộ gia đình vẫn chưa thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế. Do đó thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã chuyển tiền vào ngân hàng A1. Đến ngày 16/8/2021 gia đình ông C vẫn không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế. Do vậy Trung tâm phát triển quỹ đất đã chuyển 853.123.184 đồng vào tài khoản Kho Bạc nhà nước tỉnh H3 cho đến khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

(Số tiền lãi phát sinh khi gửi tại Ngân hàng A1 chi nhánh K từ ngày 14/5/2021 đến ngày 16/8/2021 là 6.549.527 đồng, số tiền này hiện đang được tạm giữ tại trung tâm, sau khi gia đình ông C thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế trung tâm sẽ chi trả toàn bộ cả số tiền hỗ trợ bồi thường và số tiền lãi này cho người dân).

Do đó, việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông C là căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, không phải chi trả chậm như nội dung khởi kiện của ông C.

- *Kho Bạc Nhà nước H3*: Kinh phí bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Nhà máy T9 tại phường T được giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố thực hiện, việc tiếp nhận và rút tiền bồi thường, hỗ trợ

liên quan đến gia đình ông Lê Văn C được thực hiện qua Kho bạc nhà nước H3 tổng cộng 07 lần, chi tiết tại công văn số 1254/KBHB-TTKT ngày 12/11/2021 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Lê Văn C. Hiện tại số tiền 853.123.184 đồng đang được quản lý tại Kho bạc Nhà nước H3.

-Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H có văn bản nêu ý kiến:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Xuân T7 năm 1996 được cấp theo bản đồ vẽ tay và đã qua nhiều năm sử dụng, có sự biến đổi về địa hình, hiện trạng nên có sự sai lệch về vị trí so với hiện trạng sử dụng đất.

Phần diện tích thu hồi để thực hiện dự án Nhà máy T8 mở rộng là 11.577,6m² tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 300533 được Văn phòng đăng ký đất đai trích đo hiện trạng sử dụng đất trên cơ sở ranh giới do ông C chỉ mốc giới cùng các hộ giáp ranh xác định ranh giới. Do có sự sai lệch giữa GCN QSDĐ nên số thửa và số tờ bản đồ phục vụ GPMB dự án được lấy theo số thửa và số tờ bản đồ mới, không xác định được phần diện tích thu hồi thuộc thửa đất nào trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Xuân T7 năm 1996. Ngoài ra, UBND phường T đã xác định phần diện tích thu hồi để thực hiện dự án là do ông T7 khai phá, sử dụng. Khi ông T7 chết chưa phân chia thừa kế cho ai.

-Bà Trần Thị L(vợ ông C), anh Lê Đức N1, chị Lê Thùy P(các con đẻ của ông C): Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

-Bà Lê Thị T4, ông Lê Đình V, bà Lê Thị T5, ông Lê Văn V1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2, ông Lê Đình V2 có lời khai và cùng quan điểm như sau:

Bố mẹ chúng tôi có một thửa đất rừng sản xuất tại tờ bản đồ 18b, diện tích 5,39ha do Chủ tịch UBND thị xã H cấp ngày 28/6/1996 mang tên ông Lê Xuân T7. Tháng 12/1996 bố tôi chết không lập di chúc, để lại tài sản cho 09 người con. Tuy nhiên anh trai tôi là ông Lê Văn C đã giữ bìa đất của bố mẹ tôi để lại. Đến cuối năm 2020, dự án xả thải của Nhà máy T9 lấy vào đất của bố mẹ tôi và đền bù số tiền 853.123.184 đồng. Anh C đã tự đi làm mọi thủ tục để được nhận chi trả số tiền đền bù, không thông qua 8 người em còn lại trong gia đình, không muốn chia. Chúng tôi không đồng ý để các cơ quan trao trả số tiền đó cho một mình anh C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Ngày 31/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số trạng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 300533, diện tích 11.577,6m² của ông Lê Văn C tại tổ D, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Ông C trực tiếp chỉ dẫn các mốc giới và xác định vị trí các điểm mô tả. Tám người em của ông C có ý kiến cho rằng các mốc giới mà ông C chỉ dẫn đều là đất của ông T7 và bà M để lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 23 tháng 01 năm

2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định:

Căn cứ các Điều 30; 32; 157; 158; Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 24; 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về các nội dung:

- Hủy toàn bộ Văn bản hành chính số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H và Văn bản hành chính số 299/TTPTQĐ ngày 14/05/2021 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H.

- Buộc UBND thành phố H chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ 853.123.184 đồng và số tiền chi trả chậm từ 15/8/2020 đến nay theo quy định, công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và vật chất số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình ông C.

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật Chủ tịch U do ban hành văn bản trái pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/1/2024, ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người khởi kiện không nộp tài liệu chứng cứ mới, bổ sung thêm các ý kiến: Người khởi kiện xác định, các văn bản, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đều đứng tên ông C nhưng Văn bản 1519 lại thể hiện dừng chi trả do đó đề nghị hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, và các văn bản 1519, 299, 3554.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T và Trung tâm quỹ đất thành phố H cũng khẳng định: đất được thu hồi có nguồn gốc của bố mẹ ông C. Cả 9 anh em ông C trước và tại thời điểm thu hồi đất đều canh tác trên diện tích đất đó.

Các anh, em ông C có mặt tại phiên tòa cũng xác nhận nguồn gốc đất, cũng như tình tiết: trước và tại thời điểm thu hồi đất, các anh chị em đều canh tác trên thửa đất thu hồi. Những người có mặt đề nghị chi trả tiền bồi thường cho cả 9 anh em, đề nghị giữ nguyên tiền đền bù bồi thường giải phóng mặt bằng tại Kho bạc nhà nước để đảm bảo việc giải quyết tranh chấp giữa 9 anh em. Không đề

ngợi hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất mặc dù quyết định này chỉ đứng tên một mình ông C.

Các đương sự không có ý kiến thắc mắc gì về số tiền nhận được theo quyết định đền bù giải phóng mặt bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

* Về tố tụng:- Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đơn kháng cáo của Người khởi kiện trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về ý kiến của người kháng cáo đề nghị hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Xét thấy yêu cầu khởi kiện ban đầu, người khởi kiện chỉ khởi kiện đối với Văn bản số 1519 và văn bản 299, hơn nữa quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đứng tên một mình ông C. Ông C vẫn đang yêu cầu UBND thành phố H phải chi trả tiền bồi thường theo quyết định này, do đó ý kiến của ông C về vấn đề này đang mâu thuẫn nhau. Bên cạnh đó, ý kiến mới xuất hiện tại phiên tòa phúc thẩm vượt quá phạm vi khởi kiện, phạm vi kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

* Về nội dung: sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo: căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa bản án sơ thẩm, hủy Văn bản hành chính số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H và Văn bản hành chính số 299/TTPTQĐ ngày 14/05/2021 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H.

- Bác kháng cáo, và bác yêu cầu: Buộc UBND thành phố Hòa Bình chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ 853.123.184 đồng và số tiền chi trả chậm từ 15/8/2020 đến nay theo quy định, công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và vật chất số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình ông C.

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật Chủ tịch U do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Tranh chấp giữa các anh em ông C về vấn đề giải phóng mặt bằng được giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Căn cứ vào bản án, quyết định giải quyết có hiệu lực pháp luật hoặc sự thỏa thuận của các đương sự, UBND thành phố H sẽ chi trả tiền đền bù cho các đương sự.

- Về án phí sơ thẩm, buộc Chủ tịch UBND thành phố H phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Ngày 10/01/2022, ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu: Hủy Văn bản hành chính số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H; Hủy Văn bản hành chính số 299/TTPTQĐ ngày 14/05/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H (về việc thực hiện nội dung công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của UBND thành phố H); Buộc UBND thành phố H chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ 853.123.184 đồng và số tiền chi trả chậm từ 15/8/2020 đến nay theo quy định; công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại vật chất số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình ông C; Đề nghị Tòa án kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật Chủ tịch U do ban hành văn bản trái pháp luật.

Căn cứ Điều 3 và Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; ông Lê Văn C có quyền khởi kiện, vụ án trong thời hiệu, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với các quy định pháp luật.

[1.2] Về ý kiến của người kháng cáo đề nghị hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Xét thấy yêu cầu khởi kiện ban đầu, người khởi kiện chỉ khởi kiện đối với Văn bản số 1519 và văn bản 299, hơn nữa quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đứng tên một mình ông C. Ông C vẫn đang yêu cầu UBND thành phố H phải chi trả tiền bồi thường theo quyết định này, do đó ý kiến của ông C về vấn đề này đang mâu thuẫn nhau. Bên cạnh đó, ý kiến mới xuất hiện tại phiên tòa phúc thẩm vượt quá phạm vi khởi kiện, phạm vi kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án.

[2.1] Xét kháng cáo đề nghị hủy các văn bản 1519 và 299:

Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của các văn bản hành chính bị khiếu kiện:

- Về hình thức và thẩm quyền ban hành: Công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H là văn bản hành

chính yêu cầu Trung tâm phát triển quỹ đất tạm dừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do gia đình ông C có tranh chấp là đúng quy định.

Công văn số 299/TTPTQĐ ngày 14/5/2021 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, là thực hiện nội dung công văn số 1519 của chủ tịch UBND thành phố H là đúng thẩm quyền.

-Về trình tự, thủ tục ban hành: Căn cứ quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy T8 mở rộng tại phường T (đợt 1); căn cứ quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nhà máy T8 mở rộng tại phường T (Bãi đổ thải đợt 1); Căn cứ quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất. Theo báo cáo của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, do có tranh chấp về di sản thừa kế do đó chưa thực hiện chi trả được số tiền bồi thường hỗ trợ.

Ngày 13/5/2021 UBND thành phố H có công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ hướng dẫn ông C và những người liên quan liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục phân chia di sản thừa kế, giao trung tâm phát triển quỹ đất quản lý số tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định và đề nghị hộ gia đình ông C bàn giao mặt bằng.

Căn cứ công văn số: 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H, ngày 14/5/2021 Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất đã có công văn số 299/TTPTQĐ về việc thực hiện nội dung công văn 1519/UBND-TTPTQĐ, khi gia đình ông C thực hiện xong thủ tục phân chia di sản, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố sẽ thực hiện chi trả cho hộ gia đình theo quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi xác định, các văn bản này ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

- Xét nội dung của văn bản hành chính bị đề nghị hủy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 47/2014/NĐ-CP: trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp chưa được giải quyết xong, tiền bồi thường với phần đất bị thu hồi đó sẽ được chuyển vào Kho bạc Nhà nước và sau khi giải quyết xong tranh chấp thì số tiền bồi thường này sẽ được trả cho người được xác định có quyền sử dụng đất sau tranh chấp.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Công văn số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 gửi Ngân hàng A1 là không đúng quy định pháp luật.

Công văn số 299/TTPTQĐ của Giám đốc Trung tâm P thực hiện nội dung công văn số 1519 của chủ tịch UBND thành phố H, cũng thể hiện việc gửi số tiền đã giao vào Ngân hàng.

Do đó nội dung các công văn này là chưa phù hợp quy định pháp luật về nơi được giữ giữ tiền, khi có tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm; Tòa án đã dành thời gian và tạo điều kiện tối đa để các bên đối thoại tại phiên tòa. Tuy nhiên người khởi kiện không thay đổi yêu cầu khởi kiện, người bị kiện không rút hay sửa đổi công văn đã ban hành.

Mặc dù hình thức và trình tự thủ tục không vi phạm quy định, nhưng các công văn nêu trên chưa phù hợp pháp luật và đến nay vẫn còn tồn tại. Trung tâm phát triển quỹ đất nộp lại tiền vào Kho bạc Nhà nước H3 cũng không theo văn bản chỉ đạo nào thay thế hay hủy bỏ Công văn 11519 và Công văn 299. Thực tế cho thấy, ngày 13/5/2021 UBND thành phố H đã có Công văn số 1519 thể hiện chưa chi trả tiền bồi thường cho ông Lê Văn C; ngày 14/5/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất có Công văn số 299 cũng thể hiện nội dung này. Nhưng ngày 13/5/2021 vẫn thể hiện việc rút tiền để chi trả cho ông Lê Văn C2 và đến ngày 16/8/2021 mới nộp trả lại Kho bạc Nhà nước H3 (Bút lục 107). Khi những công văn này còn tồn tại vẫn có thể ảnh hưởng đến việc đảm bảo tính toàn vẹn và tính nghiêm túc trong thực hiện công vụ khi gửi giữ tiền bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, chấp nhận một phần kháng cáo, hủy các Văn bản số 299/TTPTQĐ của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất TP H và Văn bản số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H.

[2.2] Xét kháng cáo yêu cầu UBND thành phố H chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ 853.123.184 đồng và thiệt hại do chậm trả từ ngày 15/8/2020 cho đến nay

Tại phiên tòa, các anh em ông C2, UBND phường T, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H đều xác định đất bị thu hồi có nguồn gốc từ bố mẹ ông C2, trước và tại thời điểm thu hồi các anh em ông C2 cũng canh tác trên đất đó. Đồng thời, quá trình chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, các anh em ông C2 có ý kiến khiếu nại, nên Trung tâm phát triển quỹ đất chưa chi trả tiền cho ông C2, mặc dù quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ghi tên ông C2 là có căn cứ. Tại phiên tòa, các đương sự đều không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc gì về số tiền nhận được theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, nhất trí giữ tiền tại Kho bạc nhà nước để chia cho 9 anh chị em ông C2. Việc tranh chấp giữa các đương sự về tiền giải phóng mặt bằng sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi có kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, UBND thành phố H sẽ chi trả tiền bồi thường. Do đó cần chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về vấn đề này.

[2.3] Về kháng cáo yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần, vật chất là 5.000.000 đồng; Công khai xin lỗi cho gia đình ông Lê Văn C cũng

nếu kiến nghị cấp có thẩm quyền, xử lý trách nhiệm vì ban hành văn bản trái pháp luật của Chủ tịch UBND thành phố H.

Như đã phân tích tại mục [2.2] do việc giữ lại tiền bồi thường đến khi xác định được người thụ hưởng thì UBND thành phố H mới chi trả nên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông C.

[2.4] Đối với Công văn số 1254/ KBNN-TTKT ngày 12/11/2021 của Kho bạc Nhà nước trả lời xác nhận nội dung số tiền bồi thường do nhà nước hỗ trợ 853.123.184 đồng đều có mục đích rút ra và gửi vào là chi trả cho ông C tổng cộng 07 lần (ngày 03/8/2020, ngày 05/8/2020, ngày 18/9/2020, ngày 28/9/2020, ngày 30/10/2020, ngày 15/5/2021 và ngày 16/8/2021).

Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi nhận định Công văn này phù hợp với quy định pháp luật.

[2.5] Về án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

-*Về chi phí tố tụng*: Người khởi kiện tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định nên HĐXX không xem xét.

-*Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông Lê Văn C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố H phải chịu án phí sơ thẩm.

[2.6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, ông Lê Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, 348, 349, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn C, sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 001/2024/HC-ST ngày 23 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, như sau:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C: Hủy Văn bản hành chính số 1519/UBND-TTPTQĐ ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H và Văn bản hành chính số 299/TTPTQĐ ngày 14/05/2021 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H.

[1.2] Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 001/2024/HC-ST ngày 23 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, bác yêu cầu của ông Lê Văn C về việc:

- Buộc UBND thành phố H chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ 853.123.184 đồng và số tiền chi trả chậm từ 15/8/2020 đến nay theo quy định, công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và vật chất số tiền 5.000.000 đồng cho gia đình ông C.

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật Chủ tịch U do ban hành văn bản trái pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Lê Văn C không phải chịu án phí hành chính. Trả lại ông C 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 01002 ngày 28/3/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến